TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 596/2019/DS-PT
Ngày 25-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Thanh

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H***: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 05 và 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLPT-DS ngày 15/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1779/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3276/2019/QĐPT-DS ngày 14/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà TTH, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Số 10A Đường số 2, cư xá LG, Phường G, Quận I, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà ĐTY, sinh năm 1975 (Giấy ủy quyền số công chứng: 025950 ngày 29/11/2017). (có mặt)

Địa chỉ: Số 640/18/4A đường TC, Phường 15, quận TB, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà MTKC, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/28 đường VTT, phường AP, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NNC, sinh năm 1968 (Giấy ủy quyền số công chứng: 004070 ngày 01/6/2018). (có mặt)

Địa chỉ: Số 364/6 đường TĐT, phường HT, quận TP, Thành phố H.

Người kháng cáo**:** Bà MTKC là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2014, các bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà TTH có bà ĐTY là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Qua một vài người bạn, bà TTH có quen biết bà MTKC. Do có nhu cầu tài chính trong kinh doanh nên bà C nhiều lần vay tiền của bà H và trả làm nhiều lần. Đến ngày 10/5/2011, hai bên chốt công nợ, bà C làm giấy cam kết trả nợ với nội dung xác nhận còn nợ bà H số tiền 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm nghìn) đồng và cam kết trả số tiền trên vào ngày 20/5/2011. Tuy nhiên, đến thời điểm cam kết bà C vẫn chưa trả đủ số tiền trên. Cụ thể tính từ ngày 10/5/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm, bà H mới trả tổng cộng số tiền 618.000.000 đồng trong đó 616.000.000 đồng VN và 100 USD quy đổi thành 2.000.000 đồng VN bằng phương thức trả tiền mặt và gửi tiền vào tài khoản của bà TTH mở tại Ngân hàng Á Châu. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà C trả dứt số tiền còn nợ nhưng bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 2 buộc bà MTKC phải trả số tiền nợ còn lại là 1.882.000.000 (Một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu) đồng. Nguyên đơn xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân bà C trả, không liên quan đến chồng bà C. Đồng thời nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi từ ngày bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà MTKC có ông NNC là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 10/5/2011, bà MTKC có ký, viết họ và tên vào giấy xác nhận còn nợ bà TTH tổng số tiền 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng nhưng bà MTKC đã trả dứt điểm số tiền vay trên cho bà H vào năm 2011. Tuy nhiên, bà H vẫn cho giang hồ đến nhà bà C đập phá, gây áp lực yêu cầu bà C trả số tiền lãi 5%/ngày đối với số tiền 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng. Do số tiền lãi quá cao nên bà C chỉ có thể trả 5.000.000 đồng mỗi lần. Tổng số tiền bà C trả lãi đã lâu nên bà không nhớ rõ. Vì vậy, nay bà TTH yêu cầu trả số tiền 1.882.000.000 (Một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu) đồng bà C không đồng ý.

Ngoài ra, bà MTKC đã có yêu cầu phản tố với nội dung sau: Từ tháng 10/2009 đến ngày 09/3/2011, bị đơn đã trả cho bà H tổng số tiền là 4.329.000.000 (Bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu) đồng; Từ ngày 13/6/2011 đến ngày 13/10/2016, bị đơn đã trả cho bà H tổng số tiền là 669.000.000 đồng trong đó 567.000.000 đồng VN + 100 USD tương ứng 2.000.000 đồng VN và 100.000.000 đồng theo Bản kê giao dịch tại Ngân hàng Á Châu bà H cung cấp cho Tòa án. Như vậy, tổng số tiền bà H đã nhận của bà C là 4.998.000.000 (Bốn tỷ chín trăm chín tám triệu) đồng, trừ đi số tiền bà C còn nợ theo giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2011. Bà C yêu cầu bà H phải hoàn trả lại số tiền 2.498.000.000 (Hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định và cũng không yêu cầu chồng bà H cùng có nghĩa vụ trả. Đây

là giao dịch được xác lập giữa cá nhân của bà C và bà H, không liên quan đến chồng hai bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố H đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà TTH.

Buộc bà MTKC có trách nhiệm trả cho cho TTH số tiền là 1.882.000.000 (Một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu) đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà MTKC về việc buộc bà TTH có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà MTKC số tiền 2.498.000.000 (Hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/11/2018, bà MTKCnộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

+ Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất phương án trả nợ như sau: bà TTH đồng ý để bà MTKC trả số tiền nợ là 1.882.000.000 đồng vào ngày 03/7/2019, trong đó trả 400.000.000 đồng trong ngày 25/6/2019. Trường hợp, bà C trả hết số tiền nợ trước ngày 03/7/2019 thì bà C chỉ phải thanh toán cho bà H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, bao gồm số tiền đã trả ngày 25/6/2019 (nghĩa là giảm 382.000.000 đồng)

+ Bị đơn là bà MTKC có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc Chân xin rút yêu cầu phản tố, nguyên đơn đồng ý việc rút phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà MTKC trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

2. Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bà TTH đồng ý để bà MTKC trả số tiền nợ là 1.882.000.000 đồng vào ngày 03/7/2019, trong đó trả 400.000.000 đồng trong ngày 25/6/2019. Trường hợp, bà C trả hết số tiền nợ trước ngày 03/7/2019 thì bà C chỉ phải thanh toán cho bà H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, bao gồm số tiền đã trả ngày 25/6/2019 (nghĩa là giảm 382.000.000 đồng). Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại cấp phúc thẩm.

[2]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NNC đã rút yêu cầu phản tố nên cần sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu này theo hướng đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm và số tiền bà MTKC phải thanh toán cho bà TTH số tiền 1.882.000.000 đồng đã không làm thay đổi yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm nên bị đơn vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên là 68.460.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Do bị đơn rút yêu cầu phản tố tại phiên tòa phúc thẩm nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố là 81.960.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên bị đơn vẫn phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 299, Điều 300, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 và Điều 427 của Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố H.

Tuyên xử:

1/ Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà TTH đồng ý để bà MTKC trả số tiền nợ là 1.882.000.000 đồng vào ngày 03/7/2019, trong đó trả 400.000.000 đồng trong ngày 25/6/2019. Trường hợp, bà C trả hết số tiền nợ trước ngày 03/7/2019 thì bà C chỉ phải thanh toán cho bà H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, bao gồm số tiền đã trả ngày 25/6/2019 (nghĩa là giảm 382.000.000 đồng)

Hết thời hạn thỏa thuận quy định bà C không thanh toán số tiền nêu trên cho bà H thì bà H được quyền yêu cầu thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là bà MTKC yêu cầu nguyên đơn là bà TTH hoàn trả số tiền 2.498.000.000 (Hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu) đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà MTKCphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.420.000 (Một trăm năm mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng, khấu trừ số tiền đã nộp 40.340.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0015338 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 05/7/2018, bà C còn phải nộp 110.080.000 (Một trăm mười triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng cho bà TTH theo Biên lai thu số AE/2014/0004671 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 16/12/2016.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà MTKCphải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0015767 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Phương